TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **128**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 11 - 2022
(V/việc ly hôn, giao nuôi con).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thắng và bà Hồ Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Chiến, thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Thế Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc "xin ly hôn và giao quyền nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Hữu T1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn *, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

- Theo nguyên đơn, chị Phạm Thị Thùy T trình bày: Chị T và anh Hồ Hữu T1 trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 20/3/2020.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng làm việc và thuê nhà trọ sống tại thành phố Huế một thời gian thì về sống cùng bố mẹ chị T tại thôn H, xã Q, huyện Quảng Điền để sinh con. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khi sinh cháu Hồ Hữu Thanh T2 (sinh ngày 01/7/2020) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng. Nguyên nhân là do anh T1 ham chơi cờ bạc, do chơi thua nên nhiều lần đã

mang tài sản của vợ chồng đi cầm cố, chị T phải đi vay mượn để trả nợ cho anh T1. Để bảo vệ hạnh phúc gia đình, chị T đã bỏ qua nhiều lần và chủ động góp ý, khuyên can nhưng anh T1 vẫn không thay đổi.

Do vợ chồng mâu thuẩn bất đồng ngày càng trầm trọng nên anh T1 đã bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2021 và hai người củng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm, hỏi han gì đến nhau nữa. Sau thời gian sống ly thân, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và không thể hàn gắn được nên đã nộp đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh Hồ Hữu T1.

Về con, chị T trình bày: Vợ chồng có một con chung là cháu Hồ Hữu Thanh T2, sinh ngày 01/7/2020 hiện đang ở với mẹ. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu T2 đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Chị T xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn - Anh Hồ Hữu T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh T1 thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng anh T1 đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tòa án tiến hành xác minh và được Công an xã Đ cung cấp: Anh Hồ Hữu T1 hiện còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn 6, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế trong sổ hộ khẩu của chủ hộ là bà Cao Thị Dớ (mẹ đẻ của anh T1), hiện bà D cũng không có mặt ở địa phương. Còn Anh T1 hiện đã vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc nên không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng anh T1 có về thăm bà nội.

Toà án cùng cán bộ tư pháp xã đã trực tiếp đến nhà bà nội của anh T1 để xác minh và được biết: Anh T1 hiện đi làm ăn xa nên không có mặt tại địa phương, việc Tòa án đã nhiều lần về niêm yết các văn bản để thông báo cho anh T1 đến Tòa án làm việc nhưng gia đình không liên lạc được với anh T1 nên không thông báo được. Cách đây khoảng 02 tháng, do bà nội bị ốm nên anh T1 có về thăm, tôi có nói với cháu T1 là Tòa án mời cháu lên làm việc, nhưng T1 nói "cháu bận không lên được, mình không đến thì Tòa án vẫn giải quyết". Đại diện gia đình còn cho biết thêm: Anh T1 và chị T không ở với nhau đã lâu, lý do gì thì gia đình không biết, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa tại nơi ở của bị đơn, tại trụ sở UBND xã Đ và tại trụ sở Tòa án. Nhưng tại phiên toà lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa.

Toà án tiếp tục niêm yết cho bị đơn thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu: "Xin được ly hôn với anh Hồ Hữu T1; Yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến trưởng

thành và không yêu cầu về cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là được ly hôn với anh T1; xin nhận quyền trực tiếp nuôi cháu T2 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Các vấn đề khác, đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thùy T và anh Hồ Hữu T1 được UBND xã Đ đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; Vì vậy, chị T có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình. Mặt khác, hiện tại bị đơn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Phong Điền nên việc Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc anh T1 là bị đơn, đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng cả 02 lần anh T1 đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh T1 quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh T1 vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ cho anh T1 thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ hai cho anh T1, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Chị T xin ly hôn vì anh T1 ham mê cờ bạc, chị T đã động viên khuyên giải và bỏ qua nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn bất đồng và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2021 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Mặt khác, việc chị T khởi kiện xin ly hôn thì anh T1 đã biết nhưng không phản đối mà bỏ mặc. Chứng tỏ anh T1 đã nhận thức được đời sống chung của vợ

chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc vợ chồng ly hôn là tất yếu. Vì vậy, xét yêu cầu của chị T "xin ly hôn với anh T1" là có sơ sỡ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, Hội đồng nhận thấy: Về quyền trực tiếp nuôi con thì cả bố và mẹ đều có quyền trực tiếp nuôi con như nhau. Tuy nhiên, muốn giành quyền nuôi con thì đương sự phải có đơn yêu cầu, đồng thời phải chứng minh khả năng, điều kiện đảm bảo quyền lợi của con được phát triển một cách toàn diện kể cả trước mắt và lâu dài.

Hội đồng xét thấy: Trong quá trình chuẩn bị xét xử củng như tại phiên tòa, chị T luôn giữ nguyên yêu cầu "xin được quyền trực tiếp nuôi con" nhưng anh T1 không phản đối và bỏ mặc. Qua đó chứng tỏ anh T1 đã từ bỏ quyền của mình. Như vậy, việc giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, đương sự không có yêu cầu nên hội đồng không xem xét. Về Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 179; Điều 207, 208; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị Thùy T với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy T được ly hôn với anh Hồ Hữu T1.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Phạm Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hồ Hữu Thanh T2, sinh ngày 01/7/2020 kể từ ngày tuyên án cho đến khi con đủ 18 tuổi;

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thùy T phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000.đ theo phiếu thu số AA/2021/0001931 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền nên được khấu trừ là đủ không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với người vắng mặt thì kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Xuân Đàm